

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/DS-PT

Ngày: 14-10-2022

V/v: Tranh chấp nợ hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Ông **Lê Quang Tấn**

Bà **Đặng Thị Bích Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trịnh Văn Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, về việc tranh chấp nợ hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà **Huỳnh Thị Xuân A**, sinh năm 1963. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 2, phường An Th, thành phố Phú Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phan Thị Hồng X** (Có mặt), sinh năm 1997 và **Huỳnh Thị Tú L** (Vắng mặt), sinh năm 2000. Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2021

Cùng địa chỉ: Số 254 Nguyễn Trung Tr, khu phố 5, phường Dương Đ, thành phố Phú Q, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn:

Bà **Tạ Thị Mỹ Nh** (Có mặt), sinh năm 1979 và ông **Đặng Văn S** (Vắng mặt), sinh năm 1978. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, phường An Th, thành phố Phú Q, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà **Tạ Thị Mỹ Nh** và ông **Đặng Văn S**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày:***

Vào tháng 02/2019, bà A mở hội và mời người quen vào tham gia chơi hội, do có quen biết từ trước với vợ chồng bà Nh và ông S nên bà A đồng ý để bà Nh tham gia. Từ ngày 04/02/2019 âm lịch cho đến nay, vợ chồng bà Nh, ông S tham gia 05 chân hội và đã hốt hết toàn bộ 05 chân với tổng số tiền 343.540.000 đồng.

Ngày 18/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 07/8/2020 dương lịch) vợ chồng ông S, bà Nh đã đóng được tổng số tiền là 108.540.000 đồng cho bà A và thông báo không có khả năng đóng hội chết hàng tháng cho bà A nữa. Do đó, cùng ngày 18/6/2020 âm lịch, bà Nh có viết giấy nợ và thừa nhận còn nợ bà A số tiền 235.000.000 đồng và cam kết trả dần hàng tháng đối với số tiền nợ còn lại là 9.000.000 đồng/tháng cho bà A đến khi vợ chồng bà Nh bán xong nhà sẽ trả đủ nhưng từ đó đến nay vợ chồng bà Nh và ông S chỉ mới trả được tổng số tiền nợ là 13.200.000 đồng. Số tiền còn lại bà Nh và ông S không tiếp tục trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà A.

Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2021, bà A yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đặng Văn S và bà Tạ Thị Mỹ Nh có trách nhiệm trả một lần toàn bộ số tiền nợ 222.800.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Tuy nhiên, trong thời gian bà A nộp đơn khởi kiện vợ chồng bà Nh thì vợ chồng bà Nh có trả thêm được 1.000.000 đồng cho bà A, do đó tại phiên hoà giải bà A tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phan Thị Hồng X đại diện theo uỷ quyền của bà A yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đặng Văn S và bà Tạ Thị Mỹ Nh có trách nhiệm liên đới trả một lần hết toàn bộ số tiền nợ 221.800.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng) đã nhận của bà A từ việc vợ chồng ông S, bà Nh đã hốt 5 dây hội do bà A làm chủ theo giấy nhận nợ đề ngày 18/6/2020 (âm lịch) và không yêu cầu tính lãi suất.

**** Tại bản biên bản lấy lời khai, phiên hoà giải và tại phiên tòa bà Tạ Thị Mỹ Nh là đồng bị đơn trong vụ án trình bày:***

Bà Nh thừa nhận là bà có tham gia chơi 4 chân hội của 3 dây hội loại hội 3.000.000 đồng/tháng, 01 chân hội của dây hội 5.000.000 đồng/tháng. Bà Nh đã hốt toàn toàn bộ 5 chân hội nêu trên với tổng số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, bà chỉ nhớ là tổng số tiền nợ còn lại hiện nay bà Nh đã đóng lại cho bà A với tổng số tiền là 109.540.000 đồng.

Ngày 18/6/2020, bà Nh ghi giấy nợ với số tiền 235.000.000 đồng cho bà A là vì bà A đã cho giang hồ đến uy hiếp tinh thần bà Nh nên bà Nh buộc phải ghi giấy nợ với số tiền trong biên nhận trên cho bà A. Hiện nay giữa bà Nh với bà A vẫn chưa chốt được số tiền nợ hội là bao nhiêu.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà Nh xác nhận hiện nay bà Nh còn nợ bà A số tổng tiền là 221.800.000 đồng. Vì hoàn cảnh gia đình bà Nh đang gặp nhiều

khó khăn do đó bà Nh xin bà A tạo điều kiện cho vợ chồng bà trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

**** Ông Đặng Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại phiên hoà giải ông S trình bày:***

Ông là chồng của bà Tạ Thị Mỹ Nh, ông không biết vợ ông có tham gia chơi hội do bà A làm chủ nhưng sau khi vỡ nợ thì vợ ông là bà Nh không có tiền đóng hội chết cho bà A thì bà A có đến đòi tiền. Lúc này ông mới biết là vợ ông đã tham gia chơi 5 đầu hội do bà A làm chủ và đã hốt hết 5 đầu hội đã tham gia.

Mục đích vợ ông hốt hội để đầu tư kinh doanh bán mỹ phẩm và bán vải may quần áo. Vì dịch bệnh covid-19 mấy năm nay vô cùng phức tạp, cuộc sống gia đình ông gặp nhiều khó khăn nên vợ ông đã dùng số tiền này để lo cho con cA học hành và dùng trang trải cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, do công việc làm ăn không thuận lợi nên không có khả năng đóng hội chết hàng tháng theo yêu cầu của bà A được.

Ngày 18/6/2020 (Âm lịch), vợ ông và bà A đã thống nhất chốt số tiền nợ hội còn lại là 235.000.000 đồng, qua đó hàng tháng vợ ông có nghĩa vụ trả cho bà A với số tiền 9.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, tuy nhiên do không làm ăn được đến thời điểm bây giờ vợ ông mới chỉ đóng được cho bà A là 13.200.000 đồng. Nay không còn khả năng để đóng hội chết cho bà A nữa.

Trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về việc buộc vợ chồng ông có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền nợ hội còn lại là 221.800.000 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng) đã nhận từ việc hốt các dây hội, không yêu cầu tính lãi suất thì ông S yêu cầu Tòa án không đưa ông tham gia vào tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án vì không biết vợ ông nợ bà A số tiền hội là bao nhiêu, ông không có liên quan trong việc này.

****Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

- Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ- CP, Ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về Hội, họ, biểu, phường;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân A, do bà A có yêu cầu xin rút một phần đối với số tiền nợ hội 1.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân A đối với bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S.

3. Buộc bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S phải trả cho bà Huỳnh Thị Xuân A số tiền là 221.800.000 đồng và không tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/6/2022 bị đơn bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, làm rõ các thành viên của 5 dây hội mà bà Nh tham gia, làm rõ số tiền 5 dây hội, mỗi dây bao nhiêu tiền, bao nhiêu thành viên, mỗi dây bà đã đóng được bao nhiêu suất và còn lại bao nhiêu suất bà chưa đóng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử và không có kháng cáo. Bị đơn bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Xuân A vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền là chị Phan Thị Hồng X theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2021. Bị đơn Đặng Văn S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt Căn cứ khoản 3 Điều

296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm bà Nh thừa nhận có nợ bà A số tiền hui 221.800.000 đồng nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.0000 đồng cho đến khi trả hết số nợ nói trên và không có cách thức trả nợ nào khác. Như vậy, đối với số tiền mà bị đơn nợ hui của nguyên đơn thì hai bên đã thống nhất được với nhau, không có tranh chấp. Đối với vấn đề này các bên đã thống nhất với nhau nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, làm rõ các thành viên của 5 dây hui mà bà Nh tham gia, làm rõ số tiền 5 dây hui, mỗi dây bao nhiêu tiền, bao nhiêu thành viên, mỗi dây bà đã đóng được bao nhiêu suất và còn lại bao nhiêu suất bà chưa đóng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nh cũng thừa nhận còn nợ bà A số tiền hui là 221.800.000 đồng, vì vậy không cần thiết phải làm rõ số tiền 5 dây hui, mỗi dây bao nhiêu tiền, bao nhiêu thành viên, mỗi dây bà đã đóng được bao nhiêu suất và còn lại bao nhiêu suất bà chưa đóng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nh xác định bà Nh và ông S đều thừa nhận số tiền bà Nh đã hót 5 chân hui của 5 dây hui do bà A làm chủ thì bà Nh đã sử dụng để đầu tư kinh doanh bán mỹ phẩm và bán vải may quần áo, hiện nay còn nợ 221.800.000 đồng. Bên cạnh đó trong khoảng thời gian dịch bệnh covid-19 kéo dài và diễn biến vô cùng phức tạp, cuộc sống gia đình ông S bà Nh gặp nhiều khó khăn nên bà Nh đã dùng số tiền này để lo cho con cA học hành và dùng trang trải cuộc sống gia đình. Ông S và bà Nh chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn, vì vậy bản án sơ thẩm buộc ông S phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nh trả toàn bộ số tiền nợ hui còn lại cho bà A là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nh thừa nhận số tiền nợ 221.800.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 2 triệu đồng do hoàn cảnh khó khăn nhưng không được phía bà A đồng ý nên yêu cầu xin trả dần của bà Nh là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng do bà A có yêu cầu xin rút một phần đối với số tiền nợ hui 1.000.000 đồng vì vậy tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân A là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.090.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Xuân A được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.570.000 đồng theo biên lai thu số 0004278, ngày 10/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Từ những nhận định nêu trên nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ- CP, Ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về Hui, họ, biểu, phường;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S.
- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1. Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân A, do bà A có yêu cầu xin rút một phần đối với số tiền nợ hui 1.000.000 đồng.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân A đối với bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S.
- Buộc bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S phải trả cho bà Huỳnh Thị Xuân A số tiền là 221.800.000 đồng và không tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.090.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Xuân A được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.570.000 đồng theo biên lai thu số 0004278, ngày 10/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn S mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0007669 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP Phú Quốc;
- THA dân sự TP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Vân

Lê Quang Tấn

Trần Bá Kha

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP Phú Quốc;
- THA dân sự TP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

Thẩm phán HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Vân

Lê Quang Tấn

Trần Bá Kha

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP Phú Quốc;
- THA dân sự TP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha